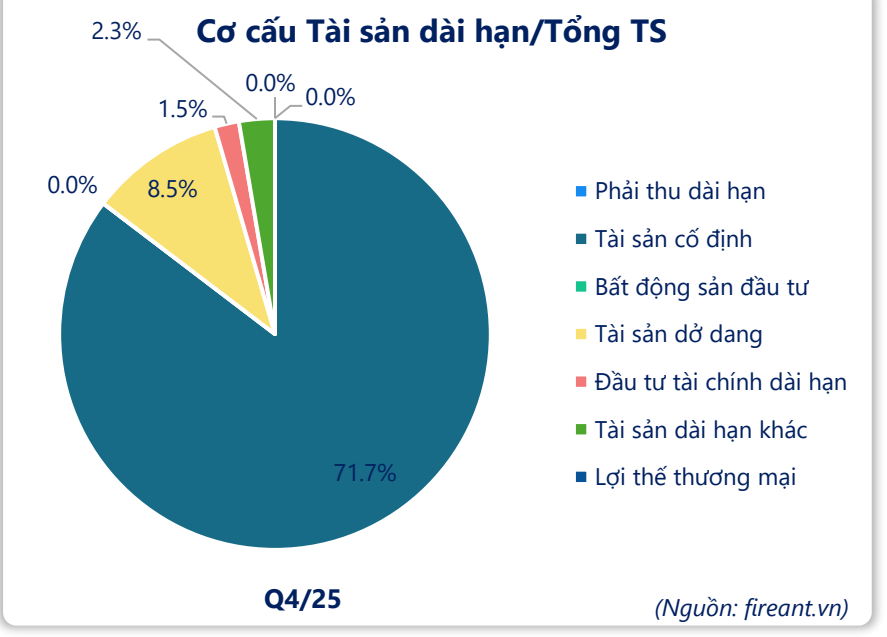
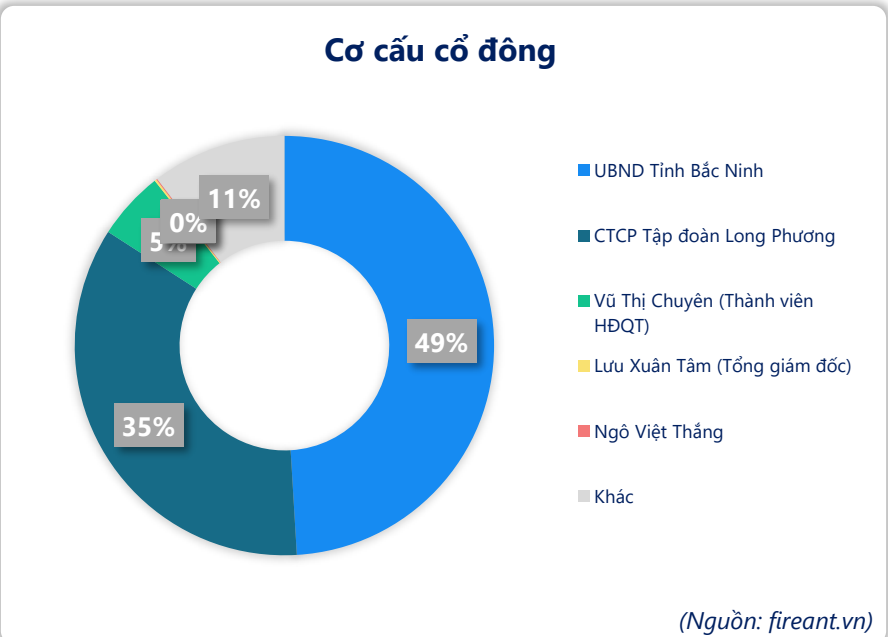
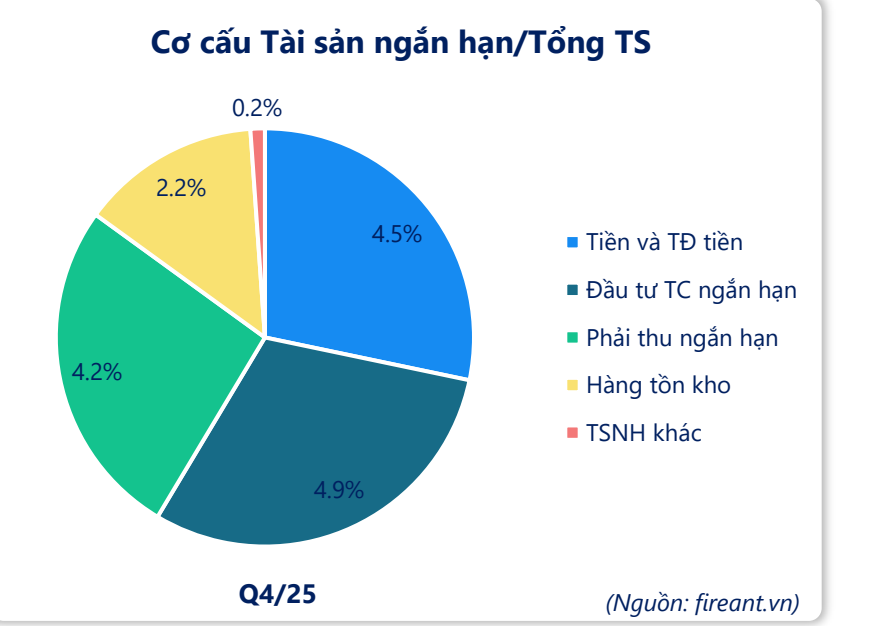
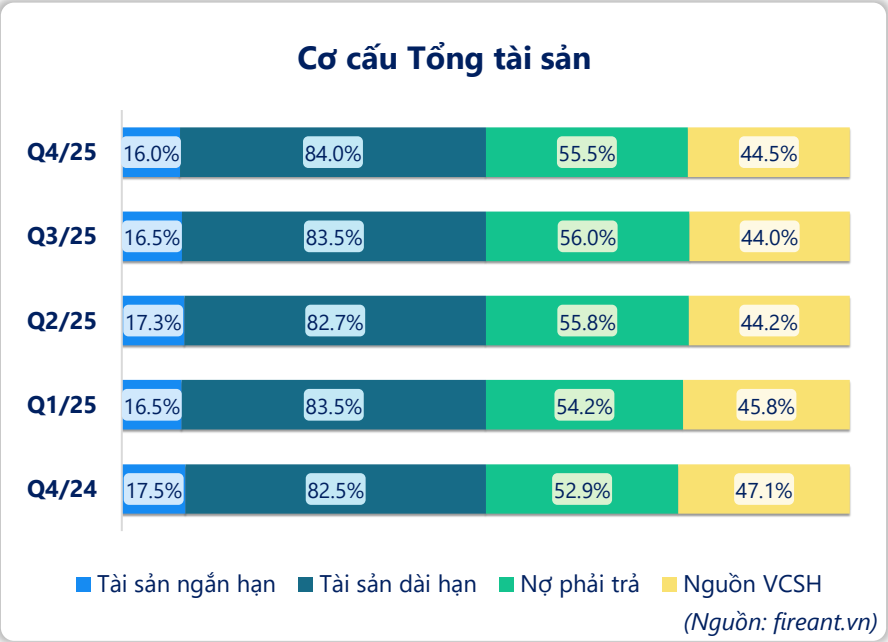
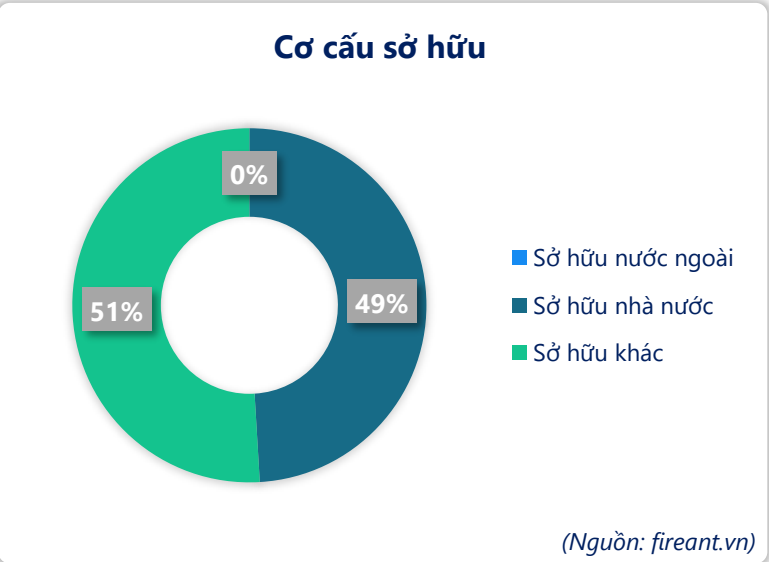
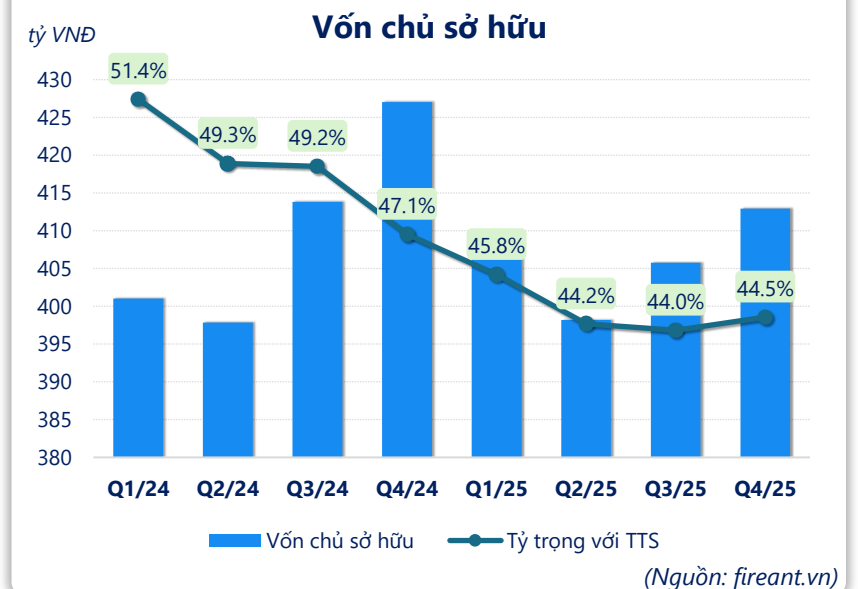
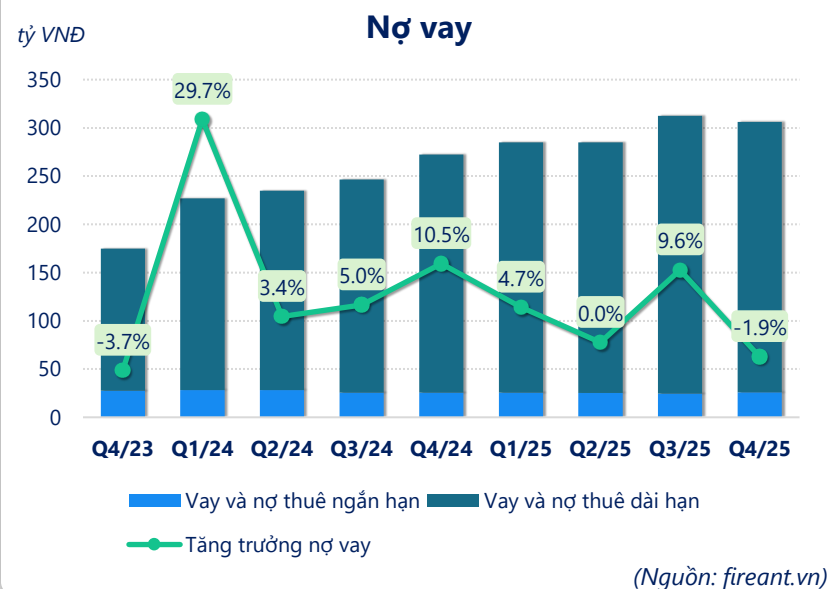
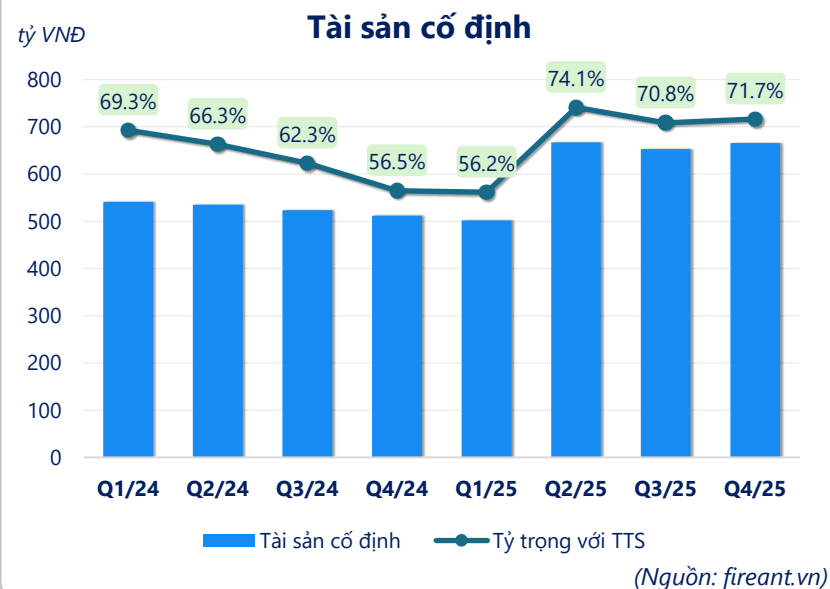
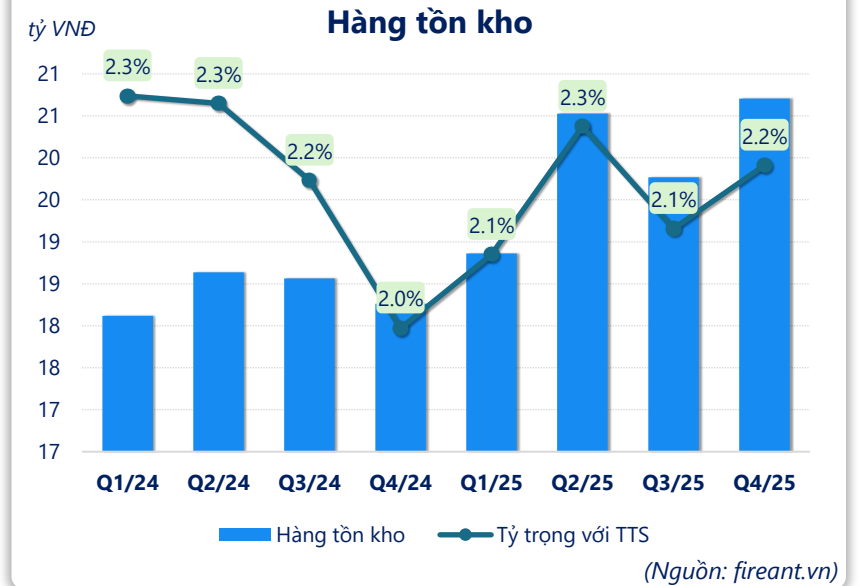
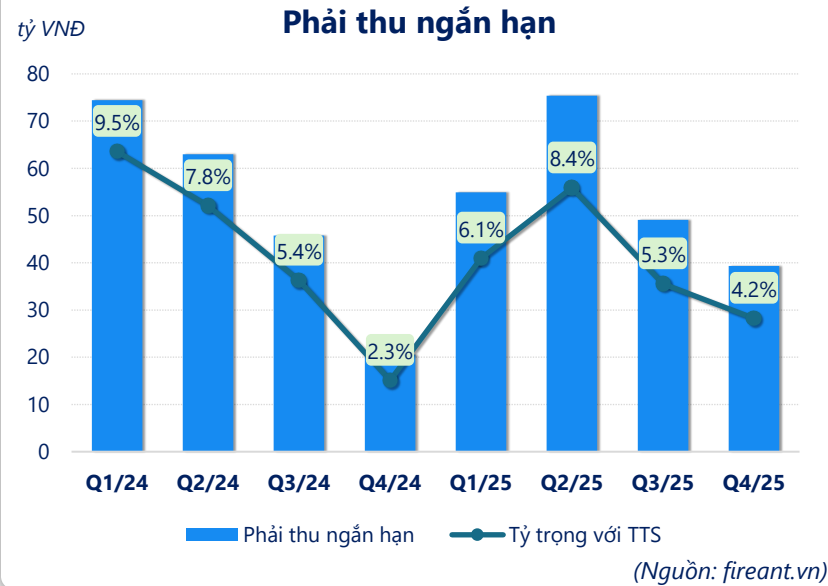
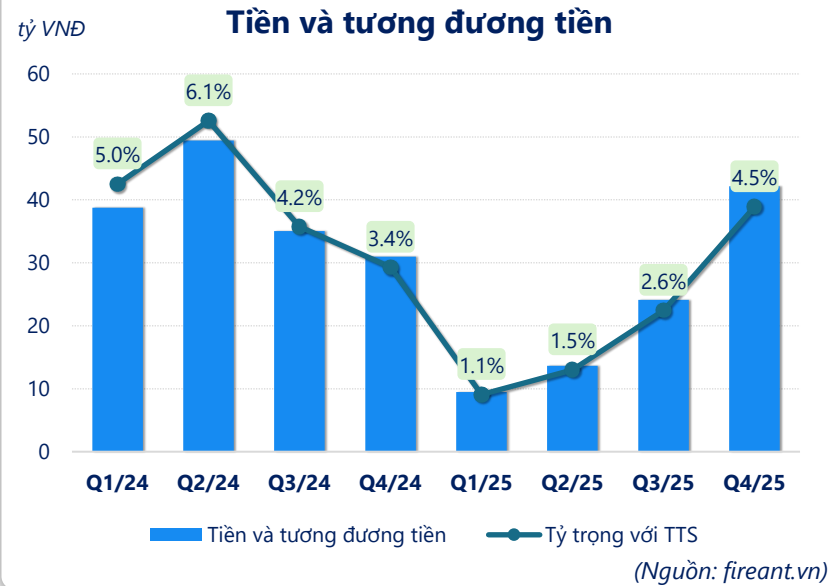
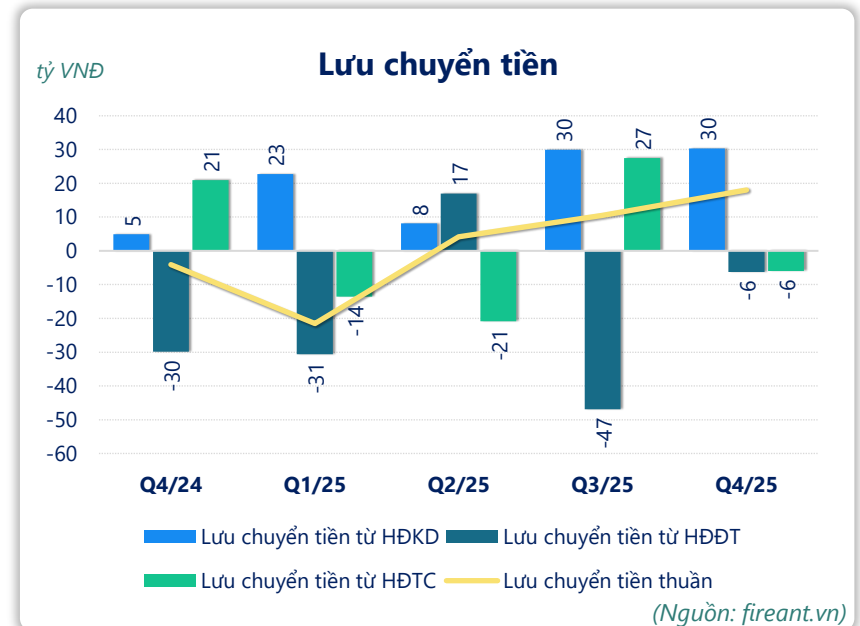
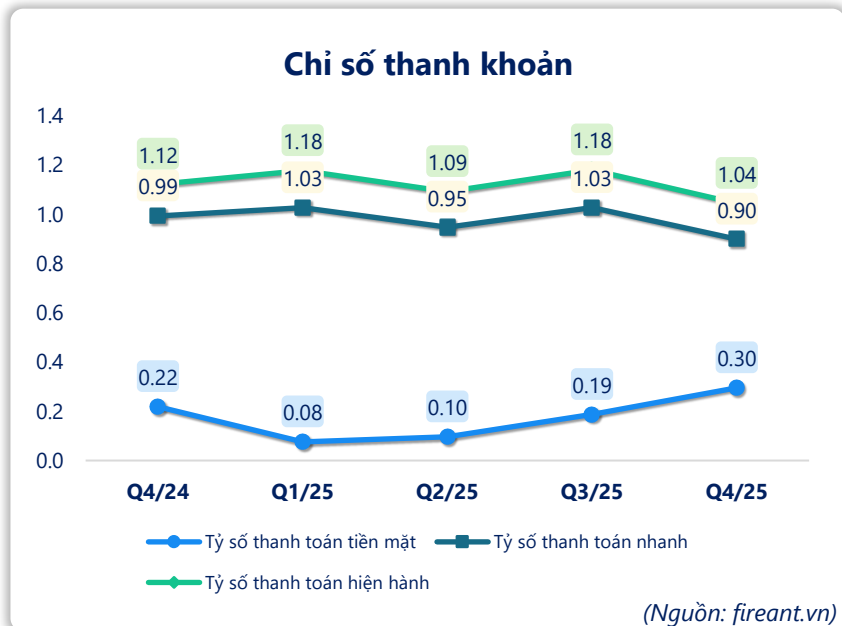
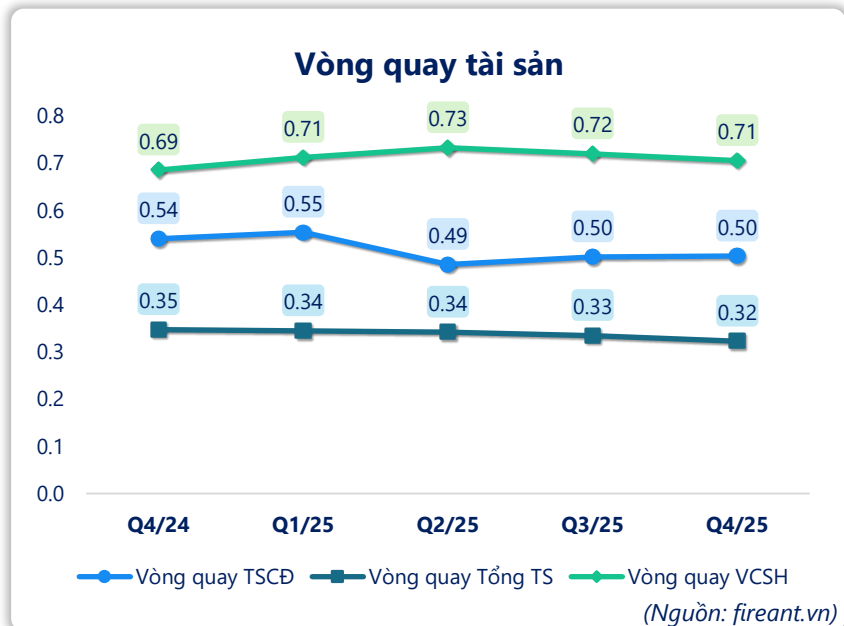
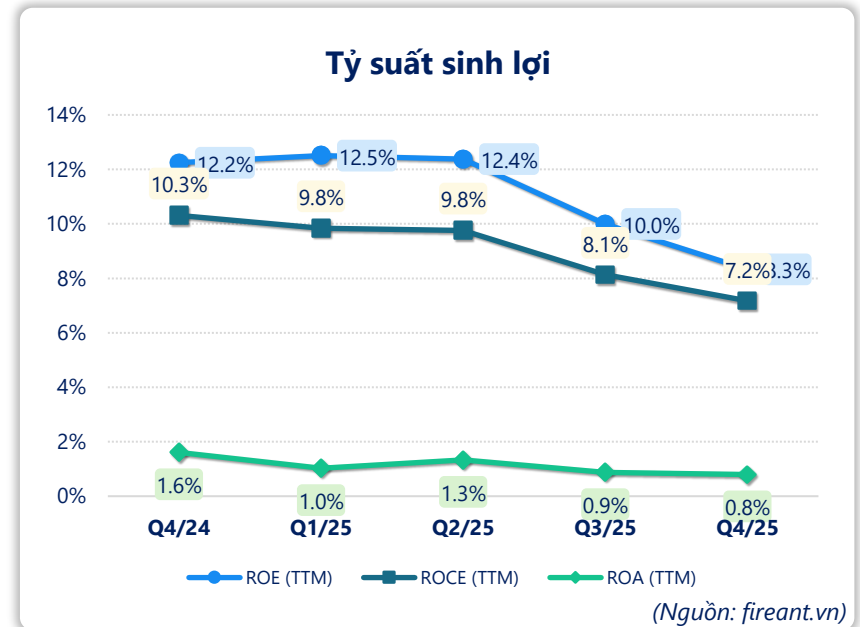
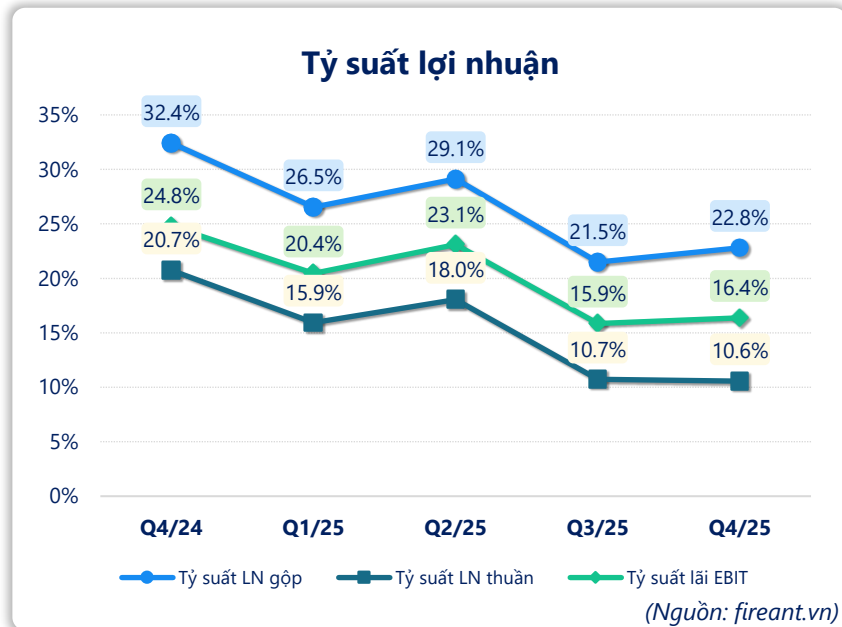
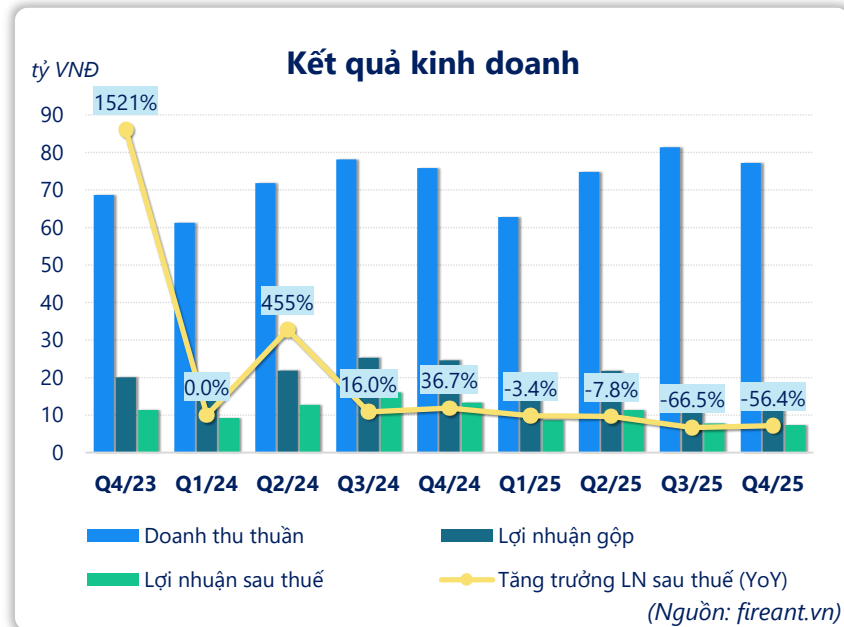


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		37,549,391
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,345
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		785
P/E		22.4
EPS		932

	YTD	1T	3T	6T
BNW	158.0%	158.0%	158.0%	158.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	929	907	2.4%
Tài sản ngắn hạn	149	159	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	42.1	31.0	36.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.2	76.3	-40.8%
Phải thu ngắn hạn	39.3	20.6	91.5%
Hàng tồn kho	20.7	18.3	13.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.66	12.8	-87.1%
Tài sản dài hạn	780	748	4.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	666	512	30.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	79.1	200	-60.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.3	14.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	20.9	21.2	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	516	480	7.5%
Nợ ngắn hạn	143	142	0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.0	25.5	1.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.30	40.0	-76.7%
Nợ dài hạn	373	338	10.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	280	247	13.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	413	427	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	413	427	-3.3%
Vốn điều lệ	375	375	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	75.9	62.7	74.8	81.4	77.2
Giá vốn hàng bán	51.3	46.1	53.0	63.9	59.6
Lợi nhuận gộp	24.6	16.6	21.8	17.5	17.6
Doanh thu HĐTC	0.73	0.69	0.44	0.54	0.63
Chi phí TC	2.79	2.63	3.74	4.11	4.14
Chi phí lãi vay	2.79	2.63	3.74	4.11	4.14
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.80	4.69	4.98	5.19	5.93
LN thuần từ HĐKD	15.7	10.0	13.5	8.73	8.15
Lợi nhuận khác	0.28	0.20	0.05	0.06	0.34
LN trước thuế	16.0	10.2	13.5	8.79	8.49
Lợi nhuận sau thuế	13.3	8.59	11.3	7.73	7.31
LNST của CĐ cty mẹ	13.3	8.59	11.3	7.73	7.31

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.88	22.7	8.12	30.0	30.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.9	-30.6	16.9	-46.9	-6.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.0	-13.6	-20.9	27.5	-5.99
Tiền đầu kỳ	35.0	31.0	9.46	13.7	24.1
Lưu chuyển tiền thuần	-4.05	-21.5	4.19	10.5	18.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	31.0	9.46	13.7	24.1	42.1

(Nguồn: fireant.vn)